Phụ lục 01 QT-TPCT-05

Căn cứ pháp lý thực hiện TTHC **Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên văn bản** | **Hiệu lực văn bản** | **Ghi chú** |
|  | Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. | Đang có hiệu lực |  |
|  | Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của nghị đinh số 23/2015/nđ-cp ngày 16 tháng 02 năm 2015 của chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. | Đang có hiệu lực |  |
|  | Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí chứng thực. | Đang có hiệu lực |  |
|  | Thông tư số 236/2009/TT-BTC ngày 15/12/2009 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí lãnh sự áp dụng tại các Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài. | Đang có hiệu lực |  |
|  | Quyết định số 1088/QĐ-BTP ngày 18/5/2016 về việc công bố TTHC sửa đổi trong lĩnhvực chứng thực thuộc phạm vi chức năng của Bộ Tư pháp. | Đang có hiệu lực |  |
|  | Quyết định 4304/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND thành phố Hà Nội ban hành về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp Thành phố, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội; Danh mục thủ tục hành chính liên thông với Bộ Tư pháp; Thủ tục hành chính liên thông trong nội bộ thành phố Hà Nội. | Đang có hiệu lực |  |